TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2020/DS-PT
Ngày: 03-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Be.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Son;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLDS-PT ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 134/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Văn C, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Văn Ch, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp CL, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07-11-2019); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: Ấp , xã H, thị xã , tỉnh Tây Ninh; ông Đ có mặt, bà Ph vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Ph: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01-03-2019); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lưu Văn Ch, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp CL, xã Nh, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07-11-2019); có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Văn C là ông Lưu Văn Ch trình bày:

Vào khoảng năm 2013, vợ chồng ông Dương Văn C, bà Nguyễn Thị P có cho vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ph vay số tiền 540.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh phân bón, thuốc trừ sâu. Vì bà P là chị ruột của bà Ph. Thời hạn vay là 02 năm. Khi vay vợ chồng ông Đ, bà Ph có viết và ký tên vào sổ của ông C. Đến hạn, ông Đ bà Ph không trả nợ nên ông C khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã T. Tòa chưa xét xử thì vợ chồng ông Đ, bà Ph hứa để trả tại gia đình nên ông C rút đơn lại và Tòa ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 12/2016/QĐST-DS ngày 20-01-2016. Sau khi rút đơn, vợ chồng ông Đ, bà Ph vẫn không có khả năng trả nợ. Vì vậy, hai bên làm lại giấy mượn tiền ngày 12-01-2016. Cụ thể, ông Đ đưa ra mẫu giấy mượn tiền và ông Đ điền thông tin vào giấy mượn tiền; vợ chồng ông Đ, bà Ph ký tên vào tại vị trí người mượn tiền, vợ chồng ông C không ký tên vào giấy này, có anh 2 của bà Ph tên Nguyễn Văn Ph1 chứng kiến và ký tên. Giấy mượn tiền có ghi hẹn đến ngày 12-01-2018 trả nếu không có sẽ gia hạn thêm lãi suất theo quy định pháp luật. Ông C đã nộp giấy mượn tiền này cho Tòa án để làm chứng cứ khi khởi kiện. Đến hạn, vợ chồng ông Đ, bà Ph không trả. Ngày 14-9-2018, vợ chồng ông Đ, bà Ph có trả cho vợ chồng ông C, bà P số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng tại nhà ông Đ; ông Đ có ghi giấy và ký tên giao cho bà P giữ. Ông C đã nộp giấy này cho Tòa án. Đồng thời ông Đ có viết 01 giấy tay khác cùng số tiền trả là 40.000.000 đồng đưa cho bà P ký tên và ông Đ giữ giấy. Sau đó, vợ chồng ông Đ, bà Ph không trả số tiền nợ còn lại cho vợ chồng ông C, bà Ph.

Nay ông C yêu cầu vợ chồng ông Đ trả cho vợ chồng ông C số tiền nợ gốc còn lại là 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 13-01-2018 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Ông C xác định ông Ph1 chỉ là người làm chứng, ông Ph1 không bảo lãnh số nợ của vợ chồng ông Đ, ông C không yêu cầu ông Ph1 trả nợ cho vợ chồng ông C.

Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Vợ chồng ông có vay của vợ chồng ông C, bà P số tiền 540.000.000 đồng vào năm 2013 và làm lại giấy mượn tiền ngày 12-01-2016 như ông C trình bày. Cụ thể, ông có viết giấy mượn tiền, vợ chồng ông có ký tên vào giấy mượn tiền có nội dung vợ chồng ông có vay của vợ chồng ông C, bà P số tiền 540.000.000 đồng, thời hạn vay 02 năm. Ngày 14-9-2018 vợ chồng ông có trả cho bà P số tiền 540.000.000 đồng, khi trả ông có viết giấy tay, bà P có ký tên nhận 540.000.000 đồng. Ông đã nộp giấy tay trên cho Tòa án xong. Ngoài ra, ông có trả tiền lãi cho bà P số tiền 40.000.000 đồng trong năm 2018 nhưng không nhớ ngày tháng khi trả ông có viết tờ giấy tay và ký tên đưa bà P giữ. Ông xác định ông Ph1 không có bảo lãnh về số nợ của vợ chồng ông đối với vợ chồng ông C. Nay, vợ chồng ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông C, vì vợ chồng ông đã trả nợ cho vợ chồng ông C, bà P xong vào ngày 14-9-2018.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P là ông Lưu Văn Ch trình bày: Bà P thống nhất với lời trình bày của ông C. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 244, 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1**.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn C tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ph.

2. Buộc ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ph trả cho ông Dương Văn C và bà Nguyễn Thị P số tiền 592.545.000 (năm trăm chín mươi hai triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng; quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án dân sự và quyền kháng cáo.

Ngày 04 tháng 12 năm 2019 ông Lê Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Đ Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ theo giấy mượn tiền đề ngày 12-01-2016 thì vợ chồng ông C, bà P có cho vợ chồng ông Đ, bà Ph vay số tiền 540.000.000 đồng và ông Đ, bà Ph ký tên vào mục người mượn tiền, thời hạn cho vay là hẹn ngày 12-01-2018 trả, lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 14-9-2018 ông Đ, bà Ph có trả cho vợ chồng ông C số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và ông Đ viết và ký tên vào biên nhận giao bà P giữ; ông Đ thừa nhận có viết, ký tên vào biên nhận này.

Xét lời trình bày của ông Đ, bà Ph cho rằng có trả tiền gốc 540.000.000 đồng cho bà P vào ngày 14-9-2018 (Bút lục số 45) là không phù hợp. Bởi lẽ, căn cứ vào Kết luận giám định số 287/C09-P5 ngày 03-10-2019 của Viện Khoa học hình sư - Bộ Công an kết luận số "5" và các chữ "Năm Trăm" từ trên xuống của Biên nhận ngày 14-9-2018 do ông Đ cung cấp là chữ viết thêm. Do đó, có căn cứ xác định vợ chồng ông Đ, bà Ph chỉ trả cho bà P số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng không phải đã trả 540.000.000 đồng như ông Đ, bà Ph đã trình bày.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đ về yêu cầu giám định lại thì thấy rằng, tại cấp sơ thẩm ông C và bà P yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm trưng cầu giám định số "5" và các chữ "Năm Trăm" tại dòng thứ 5 từ trên xuống của Biên nhận ngày 14-9-2018 DL do ông Đ nộp có phải viết thêm không. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục trưng cầu giám định đúng theo quy định tại Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đ yêu cầu giám định lại nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh kết luận giám định không chính xác, có vi phạm pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu giám định lại của ông Đ là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C buộc vợ chồng ông Đ, bà Ph trả số tiền vay 500.000.000 đồng và trả tiền lãi từ ngày 13-01-2018 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Từ những nhận định trên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định tại Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn C tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ph.

2. Buộc ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ph trả cho ông Dương Văn C và bà Nguyễn Thị P số tiền 592.545.000 (năm trăm chín mươi hai triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng; trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 92.545.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Chi phí giám định: Buộc ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ph phải trả lại cho ông Dương Văn C số tiền chi phí giám định là 5.100.000 (năm triệu một trăm nghìn) đồng**.**

4**.** Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 27.701.500 (hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Dương Văn C, bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0017750 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Tây Ninh; ông Đ nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã T ;
- CC THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Tòa DS;
- Lưu HS;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lâm Văn Be